

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ TNDKSP: 053/2023/ĐKSP

METACARE OPTI 2+

Năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 053/2023/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Metacare Opti 2+**

do Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Xuân Thanh
Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Email: abqlatp@bnninh.gov.vn
Cơ quan: Ban Quản lý An toàn thực phẩm
Ngày ký: 31/10/2023 09:03:29 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 60/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

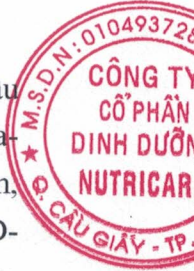
Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương,
Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi
nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại
nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong
thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm
và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn
thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



GIA TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g ML Per 100g	Trong 1 ly khẩu phần Per Serving (210g)
Năng lượng/Energy	kcal	469	188
Dạm/Protein	g	17.0	6.80
Whey	g	2.87	1.15
Lysin/Lysine	mg	1284	514
Leucin/Leucine	mg	1480	592
Isoleucin/Isoleucine	mg	801	320
Valin/Valine	mg	964	386
Arginin/Arginine	mg	659	264
Histidin/Histidine	mg	430	172
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	677	271
Tyrosin/Tyrosine	mg	585	234
Threonin/Threonine	mg	679	271
Methionin/Methionine	mg	366	147
Tryptophan/Tryptophan	mg	225	90.2
Lysin/Lysine	mg	225	90.2
Asit glutamic/Glutamic acid	mg	3321	1328
Asit aspartic/Aspartic acid	mg	1303	521
Glycin/Glycine	mg	338	135
Alanin/Alanine	mg	531	212
Prolin/Proline	mg	1434	574
Serin/Serine	mg	867	347
Chất béo/Lipid	g	20.0	8.00
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30.0	12.0
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	57.5	23.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Prebiotic (FOS/Inulin)	g	3.60	1.44
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	100	40.0
Nucleotit/Nucleotides	mg	20.0	8.00
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	24.0	9.60
Cholin/Choline	mg	145	58.0
Taurin/Taurine	mg	166	66.4
Kẽm/Zinc	mg	41.0	16.4
Lợi khuẩn/Postbiotic Lactococcus lactis L. fermentum và L. delbrueckii	hệ bào	31.3 x 10 ⁹	12.5 x 10 ⁹
	tế bào	28.8 x 10 ⁹	11.5 x 10 ⁹
		2.52 x 10 ⁹	1.01 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1667	667
Vitamin D3	IU	420	168
Vitamin E	IU	10.4	4.16
Vitamin K1	µg	18.3	7.31
Vitamin K2	µg	16.0	6.40
Vitamin C	mg	75.2	30.1
Vitamin B1	µg	512	205
Vitamin B2**	µg	858	343
Niacin	µg	6546	2618
Asit panthoic/Pantothenic acid	µg	2285	914
Vitamin B6**	µg	968	387
Asit folic/folic acid**	µg	172	69.0
Vitamin B12**	µg	1.82	0.73
Biotin	µg	14.2	5.68
Khối lượng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	312	125
Kali/Potassium	mg	479	192
Clor/Chloride	mg	515	206
Canxi/Calcium	mg	800	320
Phot pho/Phosphorus	mg	521	209
Magi/Magnesium	mg	54.0	21.6
Sắt/Iron	mg	8.03	3.21
Kẽm/Zinc	mg	5.80	2.32
Mangan/Manganese	µg	539	216
Đồng/Copper	µg	139	55.6
Kẽm/Zinc	µg	88.9	35.6
I-ốt/Iodine	µg	28.4	11.4
Seleni/Selenium	µg	10.0	4.01
Crom/Chromium	µg	10.0	4.01
Molybden/Molybdenum	µg	20.4	8.17

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiemin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.
Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phyloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiemin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate, Premix of Calcium and Minerals, DHA from fish oil, Choline, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Colostrum Colos 24h, Postbiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Nucleotides, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Synthetic flavour.
Product contains Milk, Soy protein, Fish oil.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 - 10 tuổi./For children from 2 - 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURES:

Metacare Opti 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

Metacare Opti 2+ replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages and the digestive system of children.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
 - Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare Opti 2+ (tương đương 40 g)/Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g) of Metacare Opti 2+.
 - Khấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare Opti 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Metacare Opti 2+. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using Metacare Opti 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

Hàng lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết).

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.



metaCare

TIÊU HÓA KHỎE OPTI

TĂNG CÂN, CAO LỚN



VỊ NHẠT THANH

Khối lượng tịnh Net.wt **850 g**
*Postbiotic

Dành cho trẻ từ 2 - 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng

METACARE OPTI 2+

Metacare Opti 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ Lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 dưỡng chất giúp tiêu hóa khỏe, bé tăng cân, cao lớn.

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG

30 tỷ Lợi khuẩn* (Hệ Lợi khuẩn Postbiotic L. Lactis và Postbiotic LBiome) ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên cùng HMO kết hợp với Chất xơ giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng vi sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mỹ giúp tăng cường sức đề kháng.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

60 dưỡng chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kỳ độ tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp bé phát triển não bộ cùng Axit folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học tập. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:
Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:
Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opening.

**Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus Lactis, Lợi khuẩn Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii) từ khẩu phần 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn.
** Trong 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 9 tuổi.
(1) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.

Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VIL-2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015, SGTNSQP.
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
HỖ TRỢ BẮC: 1800.00.11 (phần phí)
HỖ TRỢ NAM: 024.66.833.368
(www.nutricare.com.vn)



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.
Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
------------	--------	--------------------------

Năng lượng	kcal	375
Đạm	g	13.6
Whey	g	2.30
Lysin	mg	1027
Leucin	mg	1184
Isoleucin	mg	641
Valin	mg	771
Arginin	mg	527
Histidin	mg	344
Phenylalanin	mg	542
Tyrosin	mg	468
Threonin	mg	543
Methionin	mg	293
Tryptophan	mg	180
Cystin	mg	180
Axit glutamic	mg	2657
Axit aspartic	mg	1042
Glycin	mg	270
Alanin	mg	425
Prolin	mg	1147
Serin	mg	694
Chất béo	g	16.0
DHA	mg	24.0
Carbohydrate tổng	g	46.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.88

Sữa Non Colos 24h	mg	80.0
IgG	mg	16.0
Nucleotit/Nucleotides	mg	19.2
HMO (<i>Fucosyllactose (2'-FL)</i>)	mg	116
Cholin	mg	133
Taurin	mg	32.8
Lợi khuẩn	Tế bào	25.0 x 10 ⁹
<i>Lactococcus lactis</i>	Tế bào	23.0 x 10 ⁹
<i>L. fermentum</i> và <i>L.delbrueckii</i>	Tế bào	2.00 x 10 ⁹
Vitamin		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	8.32
Vitamin K1	µg	14.6
Vitamin K2	µg	12.8
Vitamin C	mg	60.2
Vitamin B1	µg	410
Vitamin B2	µg	686
Niacin	µg	5237
Axit pantothenic	µg	1828
Vitamin B6	µg	774
Axit folic	µg	138
Vitamin B12	µg	1.46
Biotin	µg	11.4
Khoáng chất		

Natri	mg	250
Kali	mg	383
Clo	mg	412
Canxi	mg	640
Phốt pho	mg	417
Magiê	mg	43.2
Sắt	mg	6.42
Kẽm	mg	4.64
Mangan	µg	431
Đồng	µg	111
I-ốt	µg	71.1
Selen	µg	22.7
Crôm	µg	8.00
Molypden	µg	16.3

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2-10 tuổi.

7. Công dụng

Metacare Opti 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50⁰C) trước khi pha.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt **Metacare Opti 2+** (trương đương 40 g).
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml **Metacare Opti 2+**. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127 /2025/CV-NU

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

V/v Thông báo cập nhật nhãn và tiêu

chẩn sản phẩm sau công bố

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH
ĐẾN Số:.....
Ngày: 9/10/2025
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Trước tiên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục đối với Công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục đăng ký công bố sản phẩm tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm Tỉnh Bắc Ninh như sau:

Tên sản phẩm	Số TNĐKSP	Ngày công bố
Metacare Opti 2+	053/2023/ĐKSP	30/10/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 8 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023–2030 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025). Công ty chúng tôi xin phép được thông báo cập nhật nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm trên phù hợp với quy định hiện hành như sau:

1. Cập nhật nhãn sản phẩm

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Cập nhật cách viết chữ “Đạm” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“Đạm”	“Chất đạm”
Cập nhật cách viết Carbohydrate trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Carbohydrate tổng”	“Carbohydrat”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Sữa non Colos24h”	“Từ Sữa Non Colos 24h”
Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	“Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.”	“Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá.”

Cập nhật cách viết hương liệu	“Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm”	“Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.”
Bổ sung giá trị “ Đường tổng số ” trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Bổ sung câu “ Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. ”		
Cập nhật nội dung trong mục “ Hướng dẫn sử dụng ”	<p>HƯỚNG DẪN CÁCH PHA:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha. Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare Opti 2+ (tương đương 40 g). Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare Opti 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. 	<p>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:</p> <ol style="list-style-type: none"> Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột). Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. <p>Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</p>
Cập nhật nội dung trong mục “ Lượng dùng khuyến nghị ”	Dùng 2 – 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.	Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày. <i>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</i>
Cập nhật thông tin trong mục “ Bảo quản ”	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Bổ sung Cụm từ “ Nhà máy Nutricare ” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP	Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.	Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản xuất theo địa giới hành chính mới	“Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE	THƯƠNG NHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.

	<p>VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Điện thoại: 024.6683.3368</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare</p> <p>Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p>VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.</p> <p>Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>
Cập nhật cách viết Tiếng anh mục “Khối lượng tịnh”	“Net.wt”	“Net wt.”
Cập nhật cách viết chú thích hàm lượng các chất dinh dưỡng	Hàm lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết)	(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Bổ sung Số Tiêu chuẩn: 60/2023/TCSP-NUTRI

2. Cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm số 60/2023/TCSP-NUTRI của sản phẩm theo quy định hiện hành.

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Bổ sung giá trị “ Đường tổng số ” trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Cập nhật cách viết chữ “ Đạm ” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Đạm ”	“ Chất đạm ”
Cập nhật cách viết Carbohydrate trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Carbohydrate tổng ”	“ Carbohydrat ”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Sữa non Colos24h ”	“ Từ Sữa Non Colos 24h ”
Cập nhật cách viết hương liệu	“ Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm ”	“ Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm. ”
Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	“ Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá. ”	“ Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành. ”
Cập nhật nội dung trong mục “ Hướng dẫn sử dụng ”	HƯỚNG DẪN CÁCH PHA:	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.

	<p>1. Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha.</p> <p>2. Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare Opti 2+ (tương đương 40 g).</p> <p>3. Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare Opti 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.</p> <p>4. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</p>	<p>2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.</p> <p>3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.</p> <p>4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).</p> <p>5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.</p> <p>Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</p>
Cập nhật nội dung trong mục “Lượng dùng khuyến nghị”	Dùng 2 – 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.	Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày. <i>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</i>
Cập nhật thông tin trong mục “ Bảo quản ”	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Cập nhật thông tin địa giới hành chính mới của Trụ sở và VPGD	Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare. Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Bổ sung Cụm từ “ Nhà máy Nutricare ” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP	Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.	Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản	“Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:	THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

<p>xuất theo địa giới hành chính mới</p>	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE</p> <p>VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Điện thoại: 024.6683.3368</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare</p> <p>Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.</p> <p>VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.</p> <p>Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>
<p>Bổ mục 5.5. Các chỉ tiêu khác:</p> <p>- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.</p> <p>- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</p>		

(Nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm).

Các nội dung (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) không thay đổi so với nhãn đã công bố.


Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

T.C.P. 10

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/Energy	kcal	375
Chất đạm/Protein	g	13,6
Whey	g	2,30
Lysin/Lysine	mg	1027
Leucin/Leucine	mg	1184
Isoleucin/Isoleucine	mg	641
Valin/Valine	mg	771
Arginin/Arginine	mg	527

Histidin/ <i>Histidine</i>	mg	344
Phenylalanin/ <i>Phenylalanine</i>	mg	542
Tyrosin/ <i>Tyrosine</i>	mg	468
Threonin/ <i>Threonine</i>	mg	543
Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	293
Tryptophan/ <i>Tryptophan</i>	mg	180
Cystin/ <i>Cystine</i>	mg	180
Axit glutamic/ <i>Glutamic acid</i>	mg	2657
Axit aspartic/ <i>Aspartic acid</i>	mg	1042
Glycin/ <i>Glycine</i>	mg	270
Alanin/ <i>Alanine</i>	mg	425
Prolin/ <i>Proline</i>	mg	1147
Serin/ <i>Serine</i>	mg	694
Chất béo/Lipid	g	16,0
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	24,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	43,1
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	23,2
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i>)	g	2,88
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/ <i>From Colostrum Colos 24h</i>	mg	80,0
Nucleotit/ <i>Nucleotides</i>	mg	19,2
HMO (<i>Fucosyllactose (2'-FL)</i>)	mg	116
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	133
Taurin/ <i>Taurine</i>	mg	32,8
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic</i>	tế bào	$25,0 \times 10^9$
<i>Lactococcus lactis</i>	tế bào	$23,0 \times 10^9$
<i>L.fermentum</i> và <i>L.delbrueckii</i>	tế bào	$2,00 \times 10^9$
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	8,32
Vitamin K1	µg	14,6
Vitamin K2	µg	12,8
Vitamin C	mg	60,2
Vitamin B1	µg	410
Vitamin B2	µg	686
Niacin	µg	5237

Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1828
Vitamin B6	µg	774
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	138
Vitamin B12	µg	1,46
Biotin	µg	11,4
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	250
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	383
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	412
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	640
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	417
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	43,2
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	6,42
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	4,64
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	431
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	111
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	71,1
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	22,7
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	8,00
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	16,3

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2-10 tuổi.

7. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

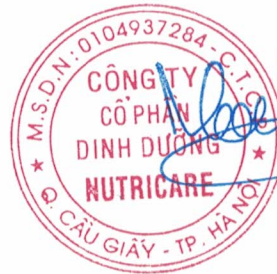
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH / AVERAGE NUTRITIONAL VALUES*

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Mỗi gói 30g 1 gói 30g 1 gói 30g	Mỗi gói 30g 1 gói 30g 1 gói 30g
Năng lượng/Energy	kcal	499	188
Chất đạm/Protein	g	17,8	6,88
Chất béo/Fat	g	12,84	5,15
Carbohydrate	mg	1488	572
Chất xơ/Fiber	mg	801	320
Asparagine/Asparagine	mg	964	386
Alanine/Alanine	mg	459	184
Glutamic acid/Glutamic acid	mg	172	68
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	677	271
Serine/Serine	mg	365	146
Threonine/Threonine	mg	309	123
Methionine/Methionine	mg	366	147
Tryptophan/Tryptophan	mg	225	90,2
Cysteine/Cysteine	mg	325	129
Acid glutamic/Glutamic acid	mg	3123	1238
Acid aspartic/Aspartic acid	mg	1380	531
Alanine/Alanine	mg	338	135
Protein/Protein	mg	511	212
Serine/Serine	mg	1434	574
Chất béo/Total Fat	g	20,8	8,09
EAFA (Eicosanoic acid)	g	20,0	7,9
Carbohydrate/Carbohydrate	g	51,9	21,6
Dưỡng chất đường/Total sugars	g	29,9	11,6
Chất xơ hòa tan (FOS/HMO)	g	3,00	1,44
Fructooligosaccharide	mg	20,8	8,09
Số lượng chất béo/Total Fat	mg	190	40,8
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	24,8	9,69
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	145	56,9
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	106	46,4
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	11,9	4,6
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	11,2	4,4
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	28,8	11,5
Fructooligosaccharide (FOS)	mg	3,52	1,39
Vitamin/Minerals	mg	1647	667
Vitamin B1	mg	420	168
Vitamin B2	mg	10,4	4,16
Vitamin B3	mg	18,3	7,31
Vitamin B6	mg	16,6	6,64
Vitamin B12	mg	75,2	30,1
Vitamin C	mg	512	205
Vitamin E	mg	4546	2038
Vitamin K	mg	968	387
Ascorbic acid/Ascorbic acid	mg	2285	914
Ascorbic acid/Ascorbic acid	mg	172	69,0
Ascorbic acid/Ascorbic acid	mg	1,82	0,73
Ascorbic acid/Ascorbic acid	mg	14,2	5,68
Minerals/Minerals	mg	312	125
Calcium/Calcium	mg	439	176
Iron/Iron	mg	515	206
Copper/Copper	mg	900	360
Zinc/Zinc	mg	521	209
Magnesium/Magnesium	mg	54,6	21,8
Sodium/Sodium	mg	8,03	3,21
Potassium/Potassium	mg	5,89	2,32
Phosphorus/Phosphorus	mg	529	216
Chlorine/Chlorine	mg	119	47,6
Sulfur/Sulfur	mg	88,9	35,6
Selenium/Selenium	mg	28,4	11,4
Cobalt/Cobalt	mg	10,0	4,01
Molybdenum/Molybdenum	mg	20,4	8,17

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Băm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothemat, Pyridoxin hydroclorid, Acid folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Cúmin clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosylactose (2'-FL1)), Sữa Non Colos 24h, Probiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hỗn hợp tổng hợp dung trong thực phẩm.

Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamin & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-biotin, Sodium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Calcium citrate, Sodium molybdate, Premix of Calcium and Minerals, DHA from fish oil, Choline, HMO (Fucosylactose (2'-FL1)), Colostrum Colo 24h, Probiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Nucleotides, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Synthetic flavor.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 - 10 tuổi / For children from 2 - 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý hệ tiêu và hệ tiêu hóa của trẻ.

Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages and the digestion system of children.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTIONS FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. / Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. / All materials must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. / Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to below 50 °C.
 - 4) Cho 100 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) / Pour 100 ml of water into the utensils, then add 4 spoons (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. / Stir until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ. / Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

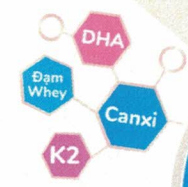
(1) Hỗn hợp các chất dinh dưỡng không giúp hạn chế 80% giá trị ghi trên nhãn. / (2) Y.Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu kết với màu bột sữa. Không định cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.



metaCare

TIÊU HÓA KHỎE OPTI

TĂNG CÂN, CAO LỚN



VỊ NHẠC THANH
Khối lượng tịnh: **850 g**
Net wt.: 850g
*Probiotic

Dành cho trẻ từ 2 - 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng



METACARE OPTI 2+

Metacare Opti 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 dưỡng chất giúp tiêu hóa khỏe, bé tăng cân, cao lớn.

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG

30 tỷ lợi khuẩn* (Hội Lợi khuẩn Probiotic L. Lactis và Probiotic L. Bifidus) là chế độ phát triển của hệ miễn dịch tốt nhất, cũng là hệ miễn dịch tự nhiên (cùng HMO kết hợp với Chất xơ giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón. Hỗ trợ hệ tiêu hóa và sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mỹ giúp tăng cường sức đề kháng.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

60 dưỡng chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** giúp tăng 100% nhu cầu chuyển đổi năng lượng của cơ thể trẻ từ 2-10 tuổi, cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng tăng cân khỏe mạnh, bắt kịp đà tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp phát triển não bộ cùng Acid Folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi, Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng. / For children aged 2 - 3 years: 2 servings per day. For children aged above 3 up to 10 years: 2 - 3 servings per day. Or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. / Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

* Probiotic: Lợi khuẩn Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii 80 triệu trong 1 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn.
** Trong 1 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 10 tuổi.
(2) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

THƯƠNG NHÃN CHU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÀ:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VP.GD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số sản xuất: Chỉ dành Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lô V11-2, Khu công nghiệp Thuận Thuận 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy 2: Khu công nghiệp Thuận Thuận 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy Metacare đáp ứng hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CODE 1-1989. Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
SĐT: NSKP: 053/2023/RRSP. Số Tiêu chuẩn: 60/2023/TCSP-NUTRI



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 10g bột (Per 10g)	Trong 1 gói (Per 25g)
Năng lượng/Energy	kcal	469	188
Chất đạm/Protein	g	17,0	6,80
Whey	g	2,67	1,15
Lysin/Lysine	mg	1284	514
Leucine/Leucine	mg	1480	592
Isoleucine/Isoleucine	mg	801	320
Valine/Valine	mg	964	386
Arginine/Arginine	mg	659	264
Histidine/Histidine	mg	420	172
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	677	271
Isoleucine/Isoleucine	mg	585	234
Threonine/Threonine	mg	679	271
Methionine/Methionine	mg	366	147
Tryptophan/Tryptophan	mg	225	90,2
Cystine/Cystine	mg	225	90,2
Aspartic acid/Aspartic acid	mg	3321	1328
Glutamic acid/Glutamic acid	mg	338	135
Alanine/Alanine	mg	531	212
Proline/Proline	mg	1434	574
Serine/Serine	mg	867	347
Chất béo/Lipid	g	20,0	8,00
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30,0	12,0
Carbohydrate/Carbohydrate	g	53,9	21,6
Dưỡng tinh bột/Starch	g	29,0	11,6
Chất xơ hòa tan (FOS/inulin)	g	3,60	1,44
Phytotics (FOS/inulin)	mg	20,0	8,00
IgG	mg	100	40,0
Từ Sữa Non Colos 24h			
From Colostrum Colo 24h	mg	24,0	9,60
Nucleotides/Nucleotides	mg	145	58,0
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	166	66,4
Choline/Choline	mg	41,0	16,4
Taurine/Taurine	mg	31,3 x 10 ⁹	12,5 x 10 ⁹
Lactose/Lactose	mg	28,8 x 10 ⁹	11,5 x 10 ⁹
L. fermentum và L. delbrueckii	mg	2,52 x 10 ⁹	1,01 x 10 ⁹
Vitamin/Minerals			
Vitamin A	IU	1667	667
Vitamin B3	IU	420	168
Vitamin E	IU	10,4	4,16
Vitamin K1	µg	18,3	7,31
Vitamin K2	µg	16,0	6,40
Vitamin C	mg	75,2	30,1
Vitamin B1	µg	512	205
Vitamin B2**	µg	858	343
Niacin	µg	6546	2618
AsiL pantothenic/Pantothenic acid	µg	2285	914
Vitamin B6**	µg	968	387
AsiL folic/folic acid**	µg	172	69,0
Vitamin B12**	µg	1,82	0,73
Biotin	µg	14,2	5,68
Khối lượng chất/Minerals			
Sodium	mg	312	125
Potassium	mg	479	192
Calcium	mg	515	206
Calcium	mg	800	320
Phosphorus	mg	521	209
Magnesium	mg	8,63	3,21
Salt/Iron	mg	5,88	2,32
Manganese	µg	539	216
Copper	µg	139	55,6
Iodine	µg	88,9	35,6
Selenium	µg	28,4	11,4
Chromium	µg	10,0	4,01
Molybdenum	µg	20,4	8,17

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat). Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Premix of Calcium and Minerals, DHA from fish oil, Choline, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Colostrum Colo 24h, Postbiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Nucleotides, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Synthetic flavour.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 – 10 tuổi./For children from 2 – 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages and the digestive system of children.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTIONS FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)/Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

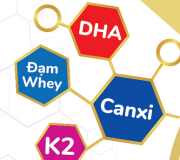
(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn nhỏ dính đường có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

metaCare

TIÊU HÓA KHỎE OPTI TĂNG CÂN, CAO LỚN



VỊ NHẠT THANH
Net wt.: 850 g
*Postbiotic

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng



METACARE OPTI 2+

Metacare Opti 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ Lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 dưỡng chất giúp tiêu hóa khỏe, bé tăng cân, cao lớn.

60 DƯỠNG CHẤT

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỂ KHÁNG

30 tỷ Lợi khuẩn* (Hệ Lợi khuẩn Postbiotic L. Lactis và Postbiotic Biome) để chế sự phát triển của vi khuẩn có hại, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên cùng HMO kết hợp với Chất xơ giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng vi sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mỹ giúp tăng cường sức đề kháng.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

60 dưỡng chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng. Tăng cân khỏe mạnh, bất kỳ độ tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp phát triển não bộ cùng Axit folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Trẻ từ 2 – 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày. Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./For children aged 2 – 3 years: 2 servings per day. For children aged above 3 up to 10 years: 2 – 3 servings per day. Or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

* Postbiotic: Lợi khuẩn Lactococcus Lactis, Lợi khuẩn Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii từ sữa trong 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn.
** Trong 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 – 9 tuổi.
(2) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.

THƯƠNG NHẬN CHU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lộ 171,2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ Việt Nam, HSG và HSGO. Xem trên bao bì.
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý Môi trường theo ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CX1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
Số TNDSPC: 053/2023/DKSP Số Tiêu chuẩn: 60/2023/TCSP-NUTRI



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

CHUYÊN SỐC KHUÁCH HÀNG
MỖI NGÀY 1000000 VNĐ (chỉ dành cho người mua hàng)
MỖI NGÀY 10000 VNĐ (chỉ dành cho người mua hàng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2026/CV-NU
V/v Thông báo cập nhật TCSP
sau công bố

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 01 năm 2026

SỐ QUẢN LÝ SẢN PHẨM	
ĐẾN	Số: 61
	Ngày: 23/1/2026
Chuyển:.....	

Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Đăng ký công bố sản phẩm sau tại Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Metacare Opti 2+	053/2023/ĐKSP	30/10/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 8, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, trong đó tại Mục 1.2 – Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật đối với các sản phẩm sữa dạng bột, chỉ tiêu Enterobacteriaceae được phân loại loại A; Công ty xin thông báo cập nhật thông tin chỉ tiêu vi sinh vật Enterobacteriaceae đối với sản phẩm **Metacare Opti 2+**, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành nêu trên.

Cụ thể, trước đây doanh nghiệp đang áp dụng chỉ tiêu Enterobacteriaceae theo phân loại loại B tại Mục 5.3 của QCVN 8-3:2012/BYT. Nay, căn cứ theo đúng phân loại sản phẩm và quy định tại Mục 1.2, Công ty đề nghị cập nhật chỉ tiêu này sang loại A, với nội dung thay đổi như sau:

Thông tin cũ			
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH

Thông tin cập nhật			
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10



(Tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm.)

Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/Energy	kcal	375
Chất đạm/Protein	g	13,6
Whey	g	2,30
Lysin/Lysine	mg	1027
Leucin/Leucine	mg	1184
Isoleucin/Isoleucine	mg	641
Valin/Valine	mg	771
Arginin/Arginine	mg	527

Histidin/ <i>Histidine</i>	mg	344
Phenylalanin/ <i>Phenylalanine</i>	mg	542
Tyrosin/ <i>Tyrosine</i>	mg	468
Threonin/ <i>Threonine</i>	mg	543
Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	293
Tryptophan/ <i>Tryptophan</i>	mg	180
Cystin/ <i>Cystine</i>	mg	180
Axit glutamic/ <i>Glutamic acid</i>	mg	2657
Axit aspartic/ <i>Aspartic acid</i>	mg	1042
Glycin/ <i>Glycine</i>	mg	270
Alanin/ <i>Alanine</i>	mg	425
Prolin/ <i>Proline</i>	mg	1147
Serin/ <i>Serine</i>	mg	694
Chất béo/<i>Lipid</i>	g	16,0
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	24,0
Carbohydrat/<i>Carbohydrate</i>	g	43,1
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	23,2
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i>)	g	2,88
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/ <i>From Colostrum Colos 24h</i>	mg	80,0
Nucleotit/ <i>Nucleotides</i>	mg	19,2
HMO (<i>Fucosyllactose (2'-FL)</i>)	mg	116
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	133
Taurin/ <i>Taurine</i>	mg	32,8
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic</i>	tế bào	25,0 x 10 ⁹
<i>Lactococcus lactis</i>	tế bào	23,0 x 10 ⁹
<i>L.fermentum</i> và <i>L.delbrueckii</i>	tế bào	2,00 x 10 ⁹
Vitamin/<i>Vitamins</i>		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	8,32
Vitamin K1	µg	14,6
Vitamin K2	µg	12,8
Vitamin C	mg	60,2
Vitamin B1	µg	410
Vitamin B2	µg	686
Niacin	µg	5237

049
CÔNG
CÔ P
INH
NUTR
GIÀ

Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1828
Vitamin B6	µg	774
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	138
Vitamin B12	µg	1,46
Biotin	µg	11,4
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	250
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	383
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	412
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	640
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	417
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	43,2
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	6,42
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	4,64
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	431
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	111
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	71,1
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	22,7
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	8,00
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	16,3

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2-10 tuổi.

7. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)



Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

